BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BNNMT	
	Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Chương trình công tác năm 2026 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định). Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chính phủ Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường với các nội dung chính như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Cơ sở chính trị

- Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (BVMT);

- Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị yêu cầu gắn hội nhập quốc tế với thực hiện các cam kết về môi trường và phát triển bền vững; Kết luận số 123-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 8% trở lên, đặt ra yêu cầu hoàn thiện thể chế môi trường theo hướng vừa tạo động lực phát triển, vừa bảo đảm phát triển bền vững. Kết luận số 210-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách thủ tục hành chính; Kết luận số 119-KL/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị nhấn mạnh yêu cầu rà soát, sửa đổi các quy định chồng chéo, cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ; Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị yêu cầu loại bỏ các điều kiện kinh doanh không cần thiết, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước và BVMT; Kết luận số 195-KL/TW của Bộ Chính trị yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với các nhiệm vụ đã được phân cấp, phân quyền; Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị yêu cầu đẩy mạnh cải cách thủ tục

hành chính, tăng cường công khai, minh bạch, tự chủ, tự chịu trách nhiệm gắn với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV tiếp tục đặt ra yêu cầu phân cấp giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm ngành nghề kinh doanh có điều kiện, rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp;

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Thông báo số 08-TB/BCĐTW ngày 08/8/2025 thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp của Ban Chỉ đạo;

- Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về BVMT và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới là cơ sở chính trị trực tiếp, quan trọng cho việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về BVMT. Kết luận số 75-KL/TW xác định nhiều quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp mới với tầm nhìn xa trong bối cảnh phát triển mới của đất nước, yêu cầu chuyển mạnh từ tư duy "đối phó thụ động" sang "ứng phó chủ động", từ quản lý hành chính sang quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu và mức độ rủi ro; tăng cường kiểm soát nguồn ô nhiễm theo vùng, khu vực và tổng thải lượng. Kết luận cũng nhấn mạnh đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển kinh tế xanh, tuần hoàn, các-bon thấp; bảo đảm nguồn lực cho công tác BVMT.

2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 247/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về BVMT đã yêu cầu tổng kết, đánh giá việc thi hành Luật BVMT năm 2020 và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Luật BVMT năm 2020 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Luật số …../2026/QHXVI sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT.

- Nghị quyết số 17/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Cơ sở thực tiễn

Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) đã tổng kết, đánh giá thi hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026; kết quả tổng kết cho thấy:

Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) về BVMT, đặc biệt là các văn bản quy định chi tiết thi hành một số chính sách mới của Luật BVMT đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo xây dựng và ban hành kịp thời, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả. Các Bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các nội dung được Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn giao. Sự chủ động trong thể chế hóa đã tạo nền tảng pháp lý thống nhất và minh bạch từ Trung ương đến địa phương.

Hệ thống pháp luật về BVMT ngoài việc củng cố hành lang pháp lý, công tác thực thi còn ghi nhận bước tiến lớn trong quản lý thông qua cải cách TTHC, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp. Các quy định pháp luật về BVMT đã đáp ứng yêu cầu để triển khai chính sách trên thực tiễn. Một số văn bản thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung để phù hợp hơn với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay, tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, ý thức BVMT.

Bên cạnh kết quả nêu trên, trong quá trình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BVMT, còn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Chưa quy định về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác nhằm bảo đảm giới hạn sinh thái để thể chế hóa Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và để đồng bộ với pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Chưa quy định cụ thể về thẩm định kết quả đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của quy hoạch, việc cho ý kiến về nội dung ĐMC của chiến lược, quy hoạch để có cơ sở tổ chức thực hiện ĐMC; chưa có quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong thực hiện, cho ý kiến về nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường; chưa có quy định để cụ thể hóa thủ tục thẩm định phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (CPM) trong trường hợp không lồng ghép với quá trình thẩm định báo cáo ĐTM hoặc cấp GPMT.

- Một số quy định về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), giấy phép môi trường (GPMT) trong triển khai thực hiện còn có khó khăn, vướng mắc như:

+ Quy định về tiêu chí môi trường trong phân loại dự án đầu tư còn phức tạp dẫn đến khó khăn cho tổ chức cá nhân trong việc xác định các thủ tục môi trường cần triển khai thực hiện đối với dự án, cơ sở; quy định đối tượng phải thực hiện ĐTM, GPMT còn nặng về "tiền kiểm", chưa tạo được sự thông thoáng cho thúc đẩy triển khai các dự án đầu tư.

+ Về đối tượng tham vấn trong quá trình ĐTM có phạm vi rộng; việc quy định niêm yết công khai nội dung báo cáo ĐTM còn chưa phù hợp về cách thức niêm yết; chưa quy định rõ thời hạn đăng tải, thời hạn họp giải quyết ý kiến, kiến nghị trong quá trình tham vấn, trả kết quả tham vấn.

+ Mặc dù quy định hiện hành nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình thực hiện ĐTM, bãi bỏ TTHC chấp thuận về môi trường theo Luật BVMT 2014 để trao quyền cho chủ dự án tự quyết định điều chỉnh nhiều nội dung của dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai công tác thẩm định báo cáo ĐTM thời gian qua cho thấy một số chủ dự án không nhận thức đúng trách nhiệm của mình khi thực hiện ĐTM trong khi năng lực của đơn vị tư vấn về môi trường còn hạn chế dẫn đến khi giúp chủ dự án lập các hồ sơ về môi trường chưa đáp ứng được yêu cầu (chưa nhận diện, dự báo được đầy đủ các vấn đề về môi trường, nguy cơ sự cố) làm kéo dài thời gian chỉnh sửa, bổ sung và ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án đầu tư. Đặc biệt, đã có một số đơn vị tư vấn có hành vi làm sai lệch số liệu, làm giả báo cáo ĐTM và bị xử lý hình sự, làm giảm vai trò, hiệu quả của công cụ ĐTM trong công tác phòng ngừa ô nhiễm. Do vậy, cần thiết phải bổ sung quy định về năng lực của đơn vị tư vấn ĐTM và GPMT.

- Quy định về kiểm tra quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở còn có sự trùng lặp với công tác kiểm tra chấp hành pháp luật về BVMT, dẫn đến khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Một số quy định về quản lý chất thải, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài, chất thải nguy hại còn một số khó khăn, vướng mắc trên thực tế, dẫn đến chưa thực sự thúc đẩy hoạt động tái chế chất thải, phục vụ phát triển kinh tế tuần hoàn; đặc biệt là chưa có quy định về quản lý phế liệu trong nước.

Quy định về quản lý chất thải rắn (CTR) phát sinh từ hoạt động xây dựng chưa được quy định cụ thể; các quy định về áp dụng đơn giá trong hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt sau phân loại còn chưa đầy đủ hoặc chưa ban hành phù hợp với đặc thù của từng địa phương, đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi hoặc hải đảo nên còn lúng túng trong triển khai thực hiện.

Mặc dù các quy định liên quan đến mô hình kinh tế tuần hoàn, tái chế chất thải công nghiệp, đồng xử lý chất thải trong lò nung hoặc quy định trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất trong tái chế, xử lý chất thải (EPR) đã được quy định nhưng chưa tạo được bước đột phá do thiếu động lực kinh tế đủ mạnh. Các quy định về trách nhiệm tái chế, xử lý chất thải đối với sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất, nhập khẩu đã và đang bước đầu được triển khai trên thực tế. Tuy nhiên, hành lang pháp lý cho việc quản lý, sử dụng kinh phí đóng góp tài chính để thực hiện trách nhiệm xử lý chất thải đối với sản phẩm, bao bì của nhà sản xuất dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí này; đồng thời, thiếu quy định về lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế; việc thiết lập điểm thu hồi, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì thải bỏ để thực hiện trách nhiệm tái chế, để bảo đảm tính linh hoạt trong chỉ đạo điều hành và triển khai thực hiện.

Nhiều mô hình, công nghệ và xu hướng mới xuất hiện nhanh chóng nhưng hệ thống pháp luật, quy chuẩn chưa kịp đáp ứng như: Năng lượng mới, chuyển dịch năng lượng (điện gió ngoài khơi, thu hồi carbon CCUS, hydro); giao thông xanh, đô thị thông minh, kinh tế tuần hoàn; du lịch xanh, các loại hình hoạt động văn hóa/thể thao quy mô lớn phát sinh chất thải. Phát sinh các loại chất thải/sản phẩm công nghệ mới hết vòng đời đòi hỏi cơ chế thu gom, phân loại và tái chế

chuyên biệt, an toàn như: Pin xe điện, pin lưu trữ, tấm quang năng, thiết bị điện tử, thiết bị lưu trữ năng lượng, chất thải tại các sự kiện quy mô lớn. Hiện thiếu quy định về trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc xử lý các loại chất thải này.

- Các quy định về quản lý chất lượng môi trường còn chưa đầy đủ, cụ thể như: quy định về sức chịu tải của môi trường nước mặt còn chưa linh hoạt dẫn đến một số địa phương còn cứng nhắc khi áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT đối với các dự án, cơ sở có hoạt động xả nước thải vào môi trường nước mặt. Quy định về BVMT không khí còn chưa chú trọng đến công tác dự báo để phục vụ việc thông tin, cảnh báo chất lượng môi trường không khí đến cộng đồng. Chưa quy định cụ thể về đối tượng điều tra, đánh giá, phân loại chất lượng môi trường đất đối với khu vực có dấu hiệu hoặc nghi ngờ ô nhiễm. Chưa quy định cụ thể về lộ trình chuyển đổi, loại bỏ phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường (theo khoản 7 Điều 65 Luật BVMT), do đó chưa có cơ sở để xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt lộ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 75 và điểm d khoản 2 Điều 160 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Mặc dù các quy định về hoạt động quan trắc môi trường, điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, quản lý hoạt động quan trắc môi trường khá đầy đủ, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về phòng ngừa hành vi can thiệp, làm sai lệch dữ liệu quan trắc tự động, liên tục; còn thiếu quy định cơ chế khuyến khích việc áp dụng các công nghệ mới cho hoạt động quan trắc môi trường, thay thế cho các phương pháp truyền thống.

- Một số quy định về thông tin, dữ liệu môi trường, hệ thống thông tin môi trường, dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số trong lĩnh vực môi trường cần phải sửa đổi, bổ sung để bảo đảm đáp ứng yêu cầu về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu theo Luật Chuyển đổi số, Luật Dữ liệu; chưa có quy định khuyến khích công khai thông tin môi trường trên các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung; nhằm tạo công cụ thuận tiện cho cơ quan, doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm và bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; thiếu quy định nhằm xác lập giá trị pháp lý của thông tin, dữ liệu số về môi trường đã được kiểm tra, xác thực trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, hoạt động quản lý nhà nước về BVMT và giao dịch điện tử theo nguyên tắc "khai báo một lần".

- Chưa có quy định cụ thể về giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, chuyển dịch phương thức quản lý từ tiền kiểm sang tăng cường hậu kiểm, giám sát thông qua công nghệ số, trực tuyến; chưa có quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực môi trường nhằm thể chính chính sách quy định tại Kết luận số 75-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Việc xây dựng, ban hành Nghị định nhằm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BVMT, phát triển bền vững kinh tế - xã hội được đề cập tại Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, XIV và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị mới được ban hành.

Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn và quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp; đáp ứng yêu cầu chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT.

2. Quan điểm xây dựng Nghị định

Việc xây dựng Nghị định được thực hiện trên các quan điểm chỉ đạo sau:

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp, Luật BVMT năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT và các quy định pháp luật có liên quan.

- Bảo đảm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và không tạo ra lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong quá trình xây dựng Nghị định; đồng bộ, thống nhất, khoa học, khả thi và phù hợp với thực tiễn.

- Kế thừa những nội dung quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP còn phù hợp và đang phát huy hiệu quả.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, bao gồm các hoạt động sau:

1. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

2. Rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan.

3. Tổ chức xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị định; thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị định (tại Quyết định số 2160/QĐ-BNNMT ngày 08/06/2026 của Bộ trưởng Bộ NN&MT); tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo;

4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT.

5. Giải trình, tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định theo ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại Báo cáo kèm theo.

6. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị định. Sau khi có báo cáo thẩm định, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến thẩm định, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định trước khi trình Chính phủ.

7. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT.

- Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển, lòng đất và vùng trời.

2. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được bố cục gồm **237** Điều, **13** Chương (gồm: Chương I. Những quy định chung; Chương II. Bảo vệ các thành phần môi trường và di sản thiên nhiên; Chương III. Phân vùng môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường; Chương IV. Bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đô thị, nông thôn và một số lĩnh vực; Chương V. Quản lý chất thải; Chương VI. Trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu; Chương VII. Quan trắc môi trường; Chương VIII. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường; Chương IX. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; bồi thường thiệt hại về môi trường; Chương X. Công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường; Chương XI. Nguồn lực bảo vệ môi trường; Chương XII. Quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và cung cấp dịch vụ công trực tuyến về bảo vệ môi trường và Chương XIII. Điều khoản thi hành).

3. Nội dung cơ bản

Dự thảo Nghị định tập trung vào các nhóm nội dung chính như sau:

3.1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung

(1) Quy định về phân vùng môi trường, ĐMC, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, ĐTM, CPM

- Về phân vùng môi trường: Đã cập nhật đồng bộ hóa quy định về phân vùng môi trường theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác nhằm bảo đảm giới hạn sinh thái để đồng bộ với Kết luận số 75-KL/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về BVMT và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới. Theo đó, cũng đã rà soát quy định tại các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải để đồng bộ với pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Về ĐMC: Bổ sung quy định nội dung thẩm định kết quả ĐMC của quy hoạch, nội dung xem xét kết quả ĐMC của chiến lược, việc cho ý kiến về nội dung ĐMC của chiến lược, quy hoạch để có cơ sở tổ chức thực hiện ĐMC.

- Về ĐTM: Điều chỉnh, bổ sung một số quy định nhằm cắt giảm, đơn giản

hóa thủ tục hành chính (TTHC) về ĐTM; tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc trên thực tiễn theo kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương, cụ thể:

+ Quy định tiêu chí môi trường để phân loại dự án đầu tư, ĐTM: Đã bổ sung làm rõ các tiêu chí về môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 28 dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT. Trong đó, đối với các yếu tố nhạy cảm về môi trường đã được cụ thể hóa quy mô, mức độ của các yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28. Đối với quy mô của dự án đầu tư gắn với quy mô sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển được quy định rõ, trong đó đối với quy mô sử dụng đất, đất có mặt nước mức lớn là từ 300 ha trở lên, quy mô trung bình là từ 50 đến dưới 300 ha; quy mô sử dụng khu vực biển mức lớn là từ 60 ha trở lên, trung bình là từ 10 đến dưới 60 ha.

Việc phân loại dự án đầu tư cũng đã cụ thể hóa các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (tại Phụ lục II).

+ Quy định đối tượng thực hiện ĐTM: Quy định cụ thể đối tượng phải thực hiện ĐTM, trong đó bổ sung, làm rõ trường hợp dự án nạo vét duy tu hàng năm không phải thực hiện ĐTM.

+ Về phạm vi ĐTM: Bổ sung quy định về phạm vi ĐTM, theo đó khu trú không thực hiện ĐTM đối với các hoạt động thuộc quy định của pháp luật khác để tránh chồng chéo.

+ Về tham vấn trong quá trình ĐTM: điều chỉnh khu trú lại đối tượng tham vấn, lược bỏ đối tượng tham vấn là đối tượng bị mất đất hoàn toàn do đối tượng này đã được tham vấn khi lập quy hoạch và không bị tác động về môi trường bởi việc thực hiện dự án; thay thế quy định niêm yết công khai bằng quy định đăng tải lên cổng thông tin điện tử và thông báo trên hệ thống truyền thanh (nếu có) của UBND cấp xã; quy định tổ chức họp khi có ý kiến, kiến nghị đối với nội dung về BVMT của dự án đầu tư có thể họp bằng hình thức trực tuyến; quy định rõ thời hạn đăng tải, thời hạn họp giải quyết ý kiến, kiến nghị trong quá trình tham vấn, trả kết quả.

+ Về trách nhiệm của chủ dự án đầu tư sau khi có văn bản phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM: Sửa đổi, bổ sung các trường hợp thay đổi dự án phải thực hiện lập báo cáo ĐTM, trong đó bãi bỏ khoản 1 do đã được quy định trong dự thảo Luật; đồng thời rà soát, sửa đổi một số nội dung để phù hợp với tiêu chí về môi trường trong dự thảo Luật; rà soát, cắt giảm đối tượng phải thực hiện ĐTM trong quá trình triển khai, thực hiện dự án.

- Về đánh giá sơ bộ tác động môi trường: Bổ sung quy định chi tiết về xem xét nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường, trong đó quy định các cơ quan có trách nhiệm cho ý kiến về nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường và trách nhiệm xem xét ý kiến về nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường trong quá trình quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư.

- Về CPM: Đơn giản hóa thủ tục thẩm định phương án CPM, trong đó bỏ

đối tượng thẩm định CPM (trong trường hợp không lồng ghép với quá trình thẩm định báo cáo ĐTM hoặc cấp GPMT) thay vào đó chủ cơ sở phải thực hiện ký quỹ theo định mức kinh tế - kỹ thuật do UBND cấp tỉnh ban hành.

(2) Quy định về GPMT; kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

- Sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm đối tượng phải có GPMT; không quy định việc kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải khi đi vào vận hành; phân định thẩm quyền cấp phép giữa Bộ NN&MT, UBND cấp tỉnh, bảo đảm phù hợp với Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP. Theo đó, cắt giảm đối tượng phải có GPMT tới 90%, chủ yếu các đối tượng chỉ cần Đăng ký môi trường tại địa phương (không phải TTHC). Bộ chỉ giải quyết TTHC cấp GPMT cho 02 đối tượng có nguy cơ, rủi ro gây ô nhiễm môi trường rất cao hoặc thực hiện theo điều ước quốc tế: (i) Xử lý chất thải nguy hại liên tỉnh; (ii) Nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

- Các quy định về cấu trúc nội dung chính của GPMT đã được quy định ở Luật, do vậy dự thảo Nghị định không quy định nội dung này.

(3) Quy định về quản lý chất thải, phế liệu, chất thải nguy hại và quy định nhằm thúc đẩy tuần hoàn, tái chế chất thải

- Cơ bản kế thừa các quy định về quản lý phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất và các yêu cầu cơ bản về quản lý chất thải nguy hại.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng, điều kiện về BVMT đối với cơ sở nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ để phù hợp với thực tế hiện nay.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt; quản lý chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân.

- Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm thúc đẩy tái chế và kinh tế tuần hoàn, trong đó bổ sung quy định về trách nhiệm của chủ cơ sở tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; quản lý vật chất và chất thải phát sinh từ hoạt động xây dựng; trách nhiệm quản lý nhà nước về vật liệu, sản phẩm từ hoạt động tái chế; đối tượng và lộ trình thực hiện về tỷ lệ vật liệu tái chế trong sản phẩm, hàng hóa.

- Về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR): Cơ bản kế thừa các quy định mang tính nguyên tắc thực hiện EPR đối với các nhóm sản phẩm, bao bì, săm lốp, dầu nhờn, pin, ắc quy được quy định tại Nghị định số 110/2026/NĐ-CP ngày 01/4/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

- Bổ sung mới một số nội dung, cụ thể:

+ Bổ sung các quy định tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc tuần hoàn, tái sử dụng chất thải như: BVMT trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; quản lý phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp; yêu cầu về BVMT trong hoạt động vệ sinh công cộng; quản lý vật chất nạo vét; phân loại hoạt động tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải; trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước trong

việc tái sử dụng, tái chế chất thải; kê khai, cập nhật dữ liệu điện tử về chất thải; quản lý chất thải phát sinh do dịch bệnh, thiên tai và sự cố môi trường; BVMT khi chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở.

+ Bổ sung quy định về phế liệu trong nước nhằm phân định rõ phế liệu với chất thải. Dự thảo Nghị định cũng quy định phế liệu được sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất và quản lý như hàng hóa không phải quản lý theo quy định về chất thải. Quy định này tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn, khắc phục vướng mắc trong thực tiễn và góp phần thúc đẩy hoạt động tái chế.

+ Bổ sung quy định quản lý chất thải lần đầu phát sinh tại Việt Nam, theo đó trường hợp không tự tái chế, chủ nguồn thải có trách nhiệm chuyển giao cho tổ chức có chức năng phù hợp hoặc phối hợp với tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để nghiên cứu, thử nghiệm, hoàn thiện và chuyển giao giải pháp công nghệ tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định. Quy định này tạo cơ sở pháp lý để nghiên cứu, tiếp cận và áp dụng công nghệ phù hợp đối với các loại chất thải mới phát sinh.

+ Bổ sung quy định về xác định, phân định chất thải chưa rõ nguồn gốc khi thực hiện giám định tư pháp, nhằm tháo gỡ vướng mắc và tạo cơ sở pháp lý cho công tác giám định.

+ Bổ sung quy định về tỷ lệ tái chế trong sản phẩm, hàng hóa là bao bì để triển khai thí điểm, làm cơ sở đánh giá và nghiên cứu mở rộng đối với các nhóm sản phẩm, hàng hóa khác.

+ Bổ sung quy định trách nhiệm của chủ thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại theo cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR).

(4) Quy định về quản lý chất lượng môi trường

- Cơ bản kế thừa các quy định về quản lý chất lượng môi trường nước, đất, không khí; điều tra, đánh giá, phân loại chất lượng môi trường đất; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

- Sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm thể chế hóa các quy định của Luật BVMT được sửa đổi, bổ sung nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả quản lý chất lượng môi trường, cụ thể:

+ Đối với môi trường nước: sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý việc xả nước thải vào môi trường nước mặt theo khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận; quy định yêu cầu đối với dự án đầu tư mới xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt; làm rõ phạm vi nguồn thải xả vào môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải nhằm tăng cường kiểm soát ô nhiễm nguồn nước.

+ Đối với môi trường không khí: sửa đổi, bổ sung theo hướng hoàn thiện nội dung, trình tự xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch quốc gia và kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh; bổ sung quy định về tổng hợp kết quả kiểm kê phát thải bụi, khí thải; xác lập các chỉ tiêu chất lượng không khí theo từng giai đoạn trên địa bàn cấp tỉnh; đồng thời rà soát các quy định theo hướng phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tăng cường phân cấp, phân quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý chất lượng môi trường không khí. Bổ sung quy định về kỹ thuật kiểm soát khí thải và

quản lý chất lượng không khí theo lưu vực, vùng phát thải, làm cơ sở triển khai các giải pháp kiểm soát ô nhiễm không khí theo khu vực, liên vùng thay cho phương thức quản lý chủ yếu theo địa giới hành chính như hiện nay.

+ Đối với môi trường đất: sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng đối tượng điều tra, đánh giá, phân loại chất lượng môi trường đất đối với khu vực có dấu hiệu hoặc nghi ngờ ô nhiễm; hoàn thiện quy định về điều tra, đánh giá sơ bộ, điều tra chi tiết, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất; tăng cường trách nhiệm của UBND cấp tỉnh trong tổ chức điều tra, xử lý và phục hồi môi trường đất, ưu tiên xử lý các khu vực ô nhiễm nghiêm trọng, ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

(5) Quy định về hoạt động quan trắc môi trường

- Cơ bản kế thừa các quy định về hoạt động quan trắc môi trường; điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; quản lý hoạt động quan trắc môi trường.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, chuyển sang quản lý bằng hình thức hậu kiểm; hoàn thiện các yêu cầu đối với hoạt động quan trắc môi trường và hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; tăng cường quản lý chất lượng hoạt động quan trắc, trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường và bảo đảm tính khách quan, trung thực, chính xác của kết quả quan trắc; đồng thời hoàn thiện các quy định về lưu trữ hồ sơ, bảo đảm chất lượng, kiểm soát chất lượng và quản lý dữ liệu quan trắc môi trường.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định theo hướng hoàn thiện yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống quan trắc nước thải, bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục; bổ sung quy định về thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn, kiểm tra, đánh giá hệ thống quan trắc; hoàn thiện quy định về kết nối, truyền nhận dữ liệu quan trắc; bổ sung trách nhiệm của chủ dự án, cơ sở và tổ chức cung cấp dịch vụ vận hành, bảo trì hệ thống quan trắc trong việc kiểm tra, ghi nhật ký vận hành, bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn của dữ liệu quan trắc; tăng cường các quy định phòng ngừa hành vi can thiệp, làm sai lệch dữ liệu quan trắc tự động, liên tục nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

(6) Quy định về chứng nhận sản phẩm thân thiện môi trường, Nhãn sinh thái theo hướng xã hội hóa hoạt động chứng nhận

Đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục chứng nhận, điều chỉnh và thu hồi chứng nhận; hoàn thiện quy định về tổ chức đánh giá sự phù hợp, tăng cường hậu kiểm theo phương thức quản lý rủi ro; đồng thời bảo đảm thống nhất với pháp luật về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, đánh giá sự phù hợp và sở hữu trí tuệ, phù hợp với chủ trương cắt giảm thủ tục hành chính, phân quyền và xã hội hóa hoạt động chứng nhận.

(7) Quy định về thông tin, dữ liệu môi trường, hệ thống thông tin môi trường, dịch vụ công trực tuyến và chuyển đổi số trong lĩnh vực môi trường

- Sửa đổi quy định về thực hiện chuyển đổi số và phát triển hệ thống thông tin môi trường theo hướng giao cơ quan có thẩm quyền chủ động triển khai phù hợp với yêu cầu thực tế và khả năng cân đối nguồn lực nhằm thể chế hóa trực tiếp

các nhiệm vụ chuyển đổi số tại Điều 115 dự thảo Luật Bảo vệ môi trường, bảo đảm tính khả thi và linh hoạt trong quản lý, bố trí ngân sách nhà nước.

- Hoàn thiện các quy định bảo đảm hoạt động của hệ thống thông tin môi trường các cấp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu theo Luật Chuyển đổi số, Luật Dữ liệu; kết hợp linh hoạt giữa nhân lực tại chỗ với thuê dịch vụ số. Đồng thời định hướng mô hình hệ thống thông tin môi trường quốc gia dùng chung thống nhất trên toàn quốc, tuân thủ khung kiến trúc số quốc gia; không bắt buộc địa phương, bộ ngành phải xây dựng hệ thống độc lập nhằm khắc phục tình trạng phân tán dữ liệu và lãng phí đầu tư.

- Sửa đổi quy định về trách nhiệm cập nhật dữ liệu và kết nối qua nền tảng số quốc gia về bảo vệ môi trường nhằm phân định rõ thẩm quyền cơ quan chủ trì theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và chuẩn hóa nhiệm vụ quản lý, vận hành, tích hợp, đồng bộ dữ liệu dùng chung.

- Bổ sung mới một số nội dung, cụ thể:

+ Bổ sung quy định khuyến khích công khai thông tin môi trường trên các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung; nhằm tạo công cụ thuận tiện cho cơ quan, doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm và bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung".

+ Thiết lập cơ chế chuyển đổi số về thuê dịch vụ số, chuyên gia tư vấn, hạ tầng điện toán đám mây và thử nghiệm công nghệ mới nhằm tháo gỡ điểm nghẽn đầu tư và huy động tối đa nguồn lực xã hội theo tinh thần Luật Chuyển đổi số.

+ Xác định nội dung "Nền tảng số quốc gia về bảo vệ môi trường" là hạ tầng kỹ thuật trung tâm để thu thập, kết nối, tích hợp và liên thông dữ liệu từ Trung ương đến địa phương.

+ Xác lập giá trị pháp lý của thông tin, dữ liệu số về môi trường đã được kiểm tra, xác thực trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, hoạt động quản lý nhà nước về BVMT và giao dịch điện tử theo nguyên tắc "khai báo một lần"; đồng thời quy định cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm ngăn chặn việc làm giả, sai lệch hoặc cản trở truyền dữ liệu môi trường.

(8) Quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường

- Cơ bản kế thừa các quy định liên quan hoạt động kiểm tra, thanh tra đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, bảo đảm đồng bộ, phù hợp với Luật Thanh tra năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Bổ sung mới một số nội dung về giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường nhằm chuyển dịch mạnh mẽ phương thức quản lý từ tiền kiểm sang tăng cường hậu kiểm, giám sát thông qua đẩy mạnh áp dụng công nghệ số, trực tuyến, cụ thể:

+ Bổ sung quy định cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT quyết định việc thực hiện giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở dựa trên quy mô, tính chất nguồn thải, mức độ

nhạy cảm của môi trường tiếp nhận và lịch sử tuân thủ pháp luật về BVMT. Hoạt động giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường được thực hiện đối với dự án đầu tư, cơ sở thông qua thông tin, dữ liệu môi trường, công nghệ số và đánh giá tại hiện trường nhằm nhận diện sớm mức độ rủi ro, kịp thời cảnh báo và phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường. Hoạt động giám sát phải bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, không chồng chéo, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của dự án đầu tư, cơ sở.

+ Bổ sung quy định việc giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường được thực hiện thông qua một trong 03 hình thức: theo dõi, đánh giá tại hiện trường; theo dõi, đánh giá trực tuyến thông qua thông tin, dữ liệu và công nghệ số và kết hợp cả hai hình thức trên.

+ Bổ sung quy định về nội dung giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường của dự án đầu tư, cơ sở được thực hiện thông qua theo dõi, đánh giá hiệu quả các công trình BVMT của dự án đầu tư, cơ sở; việc tuân thủ các yêu cầu về BVMT khác theo nội dung của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM, GPMT và việc thực hiện các các công trình, biện pháp khắc phục các nguy cơ gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.

+ Bổ sung quy định kết quả giám sát nguy cơ ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường của dự án đầu tư, cơ sở là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện, yêu cầu thực hiện một hoặc một số biện pháp như: bổ sung các công trình BVMT, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; quyết định thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về môi trường; Áp dụng hoặc kiến nghị áp dụng biện pháp ngăn chặn, chuyển thông tin, hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm.

(9) Quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực môi trường

Đây là nội dung mới nhằm thể chính sách quy định tại Kết luận số 75-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV, trong đó tập trung áp dụng cho công nghệ, sản phẩm, dịch vụ về BVMT. Các nội dung về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực môi trường được quy định tại Mục 2 Chương XI dự thảo Nghị định.

3.2. Các nội dung bãi bỏ

- Bãi bỏ các quy định liên quan đến các TTHC đã được cắt giảm theo Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP; các thành phần hồ sơ song song, chồng chéo trong thẩm định ĐTM và CPM trước đây.

- Bãi bỏ các quy định liên quan đến hoạt động kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bãi bỏ quy định ban hành Kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng (được quy định tại Điều 18 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) để đảm bảo phù hợp với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung mọt số điều của Luật BVMT về việc không quy định xây dựng kế hoạch này.

3.3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

Trước thời điểm 18/5/2026, lĩnh vực môi trường có tổng số 19 TTHC, trong

đó 13 TTHC cấp trung ương và 6 TTHC cấp tỉnh, xã. Chính phủ đã ban hành 02 Nghị quyết: số 17/2026/NQ-CP ngày 15/5/2026 và số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026, trong đó đã bãi bỏ 07 TTHC cấp Bộ, 02 TTHC cấp tỉnh; đơn giản hóa giảm số lượng, thành phần hồ sơ; giảm 52,5% thời gian giải quyết; giảm 52,3% chi phí tuân thủ theo Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Đối với TTHC về ĐTM và GPMT, các Nghị quyết của Chính phủ đã cắt giảm mạnh các đối tượng phải thực hiện, tiếp tục phân quyền triệt để cho địa phương.

Dự thảo Nghị định đã kế thừa đầy đủ các nội dung về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC của các Nghị quyết nêu trên và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT quy định về cắt giảm 05 TTHC[1], sửa đổi, bổ sung 03 TTHC[2] để bảo đảm có hiệu lực lâu dài; trong đó 02 TTHC "Cấp đổi quyết định chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam" và "Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất" đã được bãi bỏ, cắt giảm trong dự thảo Nghị định.

3.4. Nội dung phân quyền, phân cấp

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa TTHC, đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BVMT, dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết nguyên tắc phân định thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT của các cơ quan theo mức độ nguy cơ tác động xấu đến môi trường và tính chất đặc thù của dự án (yếu tố bí mật nhà nước), phân quyền triệt để cho địa phương thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM, cấp GPMT; Bộ NN&MT chỉ thẩm định báo cáo ĐTM đối với 04 nhóm đối tượng và cấp GPMT cho 02 nhóm đối tượng.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH GỬI THẨM ĐỊNH

(Nội dung này sẽ được hoàn thiện sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Nghị định, nếu có)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ ĐỊNH VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về tính tương thích với điều ước quốc tế; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

- Dự thảo Nghị định được xây dựng trên cơ sở thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và không có nội dung trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Việc thực thi Nghị định góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về môi trường, giảm phát thải và phát triển bền vững.

- Các quy định tại dự thảo Nghị định không ảnh hưởng đến yêu cầu bảo đảm

[1] (1) Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; (2) Điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường; (3) Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (ở cả cấp Trung ương và địa phương); (4) Cấp lại GPMT (ở cả cấp Trung ương và địa phương); (5) Cung cấp thông tin môi trường.

[2] (1) Thẩm định báo cáo ĐTM; (2) Cấp GPMT; (3) Điều chỉnh GPMT.

quốc phòng, an ninh quốc gia; đồng thời góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Trong quá trình xây dựng, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu bảo vệ chủ quyền quốc gia, lợi ích quốc gia, dân tộc và giữ vững quốc phòng, an ninh.

- Các quy định của dự thảo Nghị định được áp dụng thống nhất, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần xã hội; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong tiếp cận thông tin, quyền, nghĩa vụ và cơ hội tham gia các hoạt động liên quan đến BVMT. Dự thảo Nghị định không quy định chính sách làm phát sinh bất bình đẳng hoặc tạo ra sự phân biệt đối xử về giới; đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp người dân về BVMT theo quy định của pháp luật.

2. Dự kiến nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị định

a) Về tổ chức bộ máy và nhân lực

Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa TTHC, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh và giảm khối lượng công việc hành chính phát sinh trong quá trình thực hiện. Việc triển khai thi hành Nghị định không làm phát sinh tổ chức mới hoặc bổ sung biên chế, nhân lực. Nghị định được triển khai thi hành trên cơ sở bộ máy quản lý nhà nước hiện có từ Trung ương đến địa phương. Nguồn nhân lực thực hiện các nhiệm vụ và giải quyết TTHC theo quy định của Nghị định là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hiện đang thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường và các lĩnh vực có liên quan. Nguồn nhân lực hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thi hành Nghị định sau khi được ban hành. Để bảo đảm thi hành Nghị định thống nhất, hiệu quả, các Bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương sẽ tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn và hướng dẫn thực hiện các quy định mới cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cộng đồng doanh nghiệp và người dân theo quy định.

b) Về nguồn lực tài chính

Nguồn kinh phí triển khai thi hành Nghị định được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, sử dụng cho các hoạt động chủ yếu như: xây dựng và ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Nghị định; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; đào tạo, tập huấn; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; xây dựng, quản lý và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước. Ngoài ngân sách nhà nước, việc triển khai thi hành Nghị định được huy động các nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường hợp tác công tư nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các nhiệm vụ, chính sách về BVMT.

3. Điều kiện đảm bảo thi hành Nghị định

Để bảo đảm Nghị định được triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả sau khi được ban hành, các điều kiện bảo đảm thi hành Nghị định gồm:

- Bộ trưởng ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT; ban hành Kế hoạch của Bộ về việc triển khai thực hiện Nghị định; xây dựng nội dung thông tin để tuyên truyền, phổ biến các quy định của Nghị định đến các cơ quan, tổ chức và người dân.

- Các Bộ, ngành, địa phương ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định, bảo đảm tiến độ xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm được Nghị định giao; phối hợp tổ chức triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các chính sách mới của Nghị định.

- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, theo dõi tình hình thi hành Nghị định và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; kịp thời phát hiện, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Thời gian trình ban hành

Với mục tiêu bảo đảm đồng bộ, thống nhất hệ thống pháp luật về BVMT và các quy định của pháp luật có liên quan; đồng thời, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, Bộ NN&MT kính trình Chính phủ xem xét, sớm ban hành Nghị định để triển khai thực hiện.

VII. VỀ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ

(Nội dung này sẽ được hoàn thiện sau khi tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương đối với dự thảo Nghị định, nếu có)

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; (2) Báo cáo tổng kết, đánh giá thi hành Nghị định, Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định; (3) Bản đánh giá TTHC, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định; (4) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của tổ chức, cá nhân; (5) Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị định; (6) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định; (7) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định).

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, PC, MT.

Trịnh Việt Hùng